

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn
2. Ông Trần Quốc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Phương Đ là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Ô S, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền Tr trình bày: Bà và ông Võ Ô S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng ly thân ngày 05 tháng 4 năm 2017. Bà xét thấy không còn tình cảm với ông S nên bà xin ly hôn ông Võ Ô S.

Về con chung có một người con chung tên là Võ Gia Th (giới tính nam), sinh ngày 19 tháng 12 năm 2014. Bà yêu cầu được nuôi người con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung và tài sản riêng vợ chồng đã thỏa thuận chia xong, bà không yêu cầu tòa án giải quyết. Bà rút lại phần chia tài sản chung và rút yêu cầu về việc yêu cầu ông U và bà L trả 04 chỉ vàng 24k vì ông U và bà L đã trả vàng cho bà xong.

Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 6 năm 2017 bị đơn ông Võ Ô S trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị Huyền Tr về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng là đúng. Nay bà Nguyễn Thị Huyền Tr xin ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có một người con chung tên Võ Gia Th, ông không đồng ý giao con cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao con cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng thì ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung vợ chồng đã thỏa thuận chia xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có nuôi tôm còn nợ tiền thức ăn khoảng 40.000.000đ và nợ một chân hụi. Nợ tiền thức ăn do cha ông bảo lãnh mua thức ăn, nợ hụi do anh thứ tư đứng ra bảo lãnh. Đối với nợ chung ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng mâu thuẫn giữa bà Tr và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 86; khoản 1, khoản 2 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Huyền Tr, cho bà Tr ly hôn với ông Võ Ô S; giao con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền Tr đối với ông Võ Ô S là quan hệ tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên yêu cầu khởi kiện của bà Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr và ông Võ Ô S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Tr và ông S không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Huyền Tr và ông Võ Ô S.

[3] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Tr và ông S có một người con chung tên Võ Gia Th, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2014, người con chung do bà Tr đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung. Ông S không đồng ý giao con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Theo khoản 3 Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Xét thấy người con chung tên Võ Gia Th, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2014 đến khi xét xử sơ thẩm dưới 36 tháng tuổi; bà Tr đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và bà Tr, ông S không thỏa thuận được ai là người trực tiếp nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điều luật đã diện dẫn chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Huyền Tr về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Võ Gia Th. Ông S có quyền thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Tr yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, ông S không đồng ý giao con cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Áp dụng điều luật đã diện dẫn thì bà Tr yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tr, buộc ông S cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Gia Th, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2014 mỗi tháng 650.000đ, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng: Bà Tr và ông S đã thỏa thuận chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Tr và ông S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Tại phiên Tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị cho bà Tr ly hôn với ông S là không có cơ sở vì bà Tr và ông S không có đăng ký kết hôn, tại điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì tòa án thụ lý và tuyên bố không nhận quan hệ vợ chồng. Đối với quyền nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị đúng với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Tr phải chịu 300.000đ, bà Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí 948.000 đồng được chuyển thu án phí. Bà Tr được nhận lại 648.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm ông Võ Ô S phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Huyền Tr và ông Võ Ô S.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Võ Gia Th (giới tính nam), sinh ngày 19 tháng 12 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Ô S có quyền thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Võ Ô S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Gia Th, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2014 mỗi tháng 650.000đ (sáu trăm năm mươi ngàn đồng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06 tháng 7 năm 2017) cho đến khi người con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Khi có lý do chính đáng các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 948.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006562 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà Tr được hoàn trả số tiền chênh lệch là 648.000 đồng. Ông Võ Ô S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều